

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **136/2020/DS-ST**
Ngày 16/7/2020
V/v: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Văn Hai

Ông Phạm Văn Vũ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú mở phiên tòa công khai xét xử vụ án dân sự đã thụ lý số 124/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2020 về việc: “Hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-DS ngày 03/7/2020; Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1979

Bùi Ngọc T, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: số B ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh B.

Chị Lê Thị Ngọc B ủy quyền cho anh Bùi Ngọc T. Tại văn bản ủy quyền ngày 20/4/2020.

2. Bị đơn: Huỳnh Thị Lệ Q, sinh năm 1980

Địa chỉ: số m, ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hồ Văn Đ, sinh năm 1976 (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số m, ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2020 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lê Thị Ngọc B trình bày:** Vào ngày 02/10/2018 vợ chồng bà có hỏi vay tiền dùm cho bà Huỳnh Thị Lệ Q số tiền là 450.000.000 đồng để làm vốn làm ăn, khi cho mượn tiền thỏa thuận lãi là 5%, bà Q có làm giấy tay cho vợ chồng bà.

Đến tháng 8 năm 2019 bà Q cho là làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả cho vợ chồng bà nên xác nhận vốn là 450.000.000 đồng tiền lãi là 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 480.000.000 đồng. Bà Q xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng vợ chồng bà đồng ý nhưng bà Q không thực hiện. Bà Q chỉ trả được 3.450.000 đồng còn nợ lại 476.550.000 đồng. Khi vay tiền không có ông Đ nhưng bà Q mượn tiền nhằm mục đích làm ăn chung gia đình.

Nay bà B và ông T yêu cầu bà Huỳnh Thị Lệ Q và ông Hồ Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà tiền vay và lãi tổng cộng là 476.550.000 đồng.

***Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bị đơn Huỳnh Thị Lệ Q trình bày:** Bà có hỏi vay của bà B vào năm 2016 nhiều lần đến ngày 02/10/2018 bà không có khả năng đóng lãi nên hai bên có chốt lại vốn là 450.000.000 đồng, tiền lãi là 30.000.000 đồng. Bà không có khả năng trả lãi nên có kêu bà B hỏi mượn đóng lãi. Nay bà thừa nhận còn nợ bà B 450.000.000 đồng, tiền lãi 30.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Khi hỏi tiền bà B, bà B có nói tiền bà B mượn dùm và tiền nhà của bà B. Việc bà vay tiền của bà B năm 2016 không có giấy tờ chứng minh. Vào năm 2019 bà có góp cho bà B nhiều lần số tiền là 3.450.000 đồng bà yêu cầu trừ vào số tiền 480.000.000 đồng.

Bà vay tiền của bà B nhằm mục đích để trả lãi cho các khoản vay trước. Do trước đây bà có cho người khác mượn tiền nhưng không trả nên bà phải trả lãi vay và kéo dài nhiều năm nên thăm hụt vốn. Mục đích bà cho vay là để nhằm trang trải kinh tế gia đình.

Thu nhập chính gia đình bà là từ người thu nhập mua bán rau cải hằng ngày của bà. Ông Đ chồng bà làm hồ nhưng không thường xuyên.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn Đ đề nghị xét xử vắng mặt nhưng quá trình tố tụng theo biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2020 ông Đ trình bày:** Bà Q có nói với ông việc bà Q bị vỡ nợ. Trong đó bà Q có nói việc bà Q vay tiền của bà B và bà B có xuống nhà ông và bà Q để yêu cầu trả nợ số tiền mà bà B yêu cầu ông và bà Q trả là 450.000.000 đồng. Nhưng do vợ chồng ông gặp khó khăn vẫn chưa trả cho bà B được. Nay vợ ông yêu cầu trả cho bà B số tiền 480.000.000 đồng và tiền lãi 30.000.000 đồng bằng cách mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi nào hết số nợ trên thì ông cũng đồng ý liên đới cùng bà Q trả cho bà B số tiền 450.000.000 đồng và tiền lãi 30.000.000 đồng bằng cách mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi nào hết số nợ trên.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Bích và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ vắng mặt tại buổi công khai chứng cứ và hòa giải chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 465, 466, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Lê Thị Ngọc B và ông Bùi Ngọc T về việc buộc bà Huỳnh Thị Lệ Q và ông Hồ Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay và lãi tổng cộng là 476.550.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN;

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc B và ông Bùi Ngọc T yêu cầu bà Huỳnh Thị Lệ Q và ông Hồ Văn Đ về việc buộc bà Q và ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay và lãi tổng cộng là 476.550.000 đồng nên căn cứ vào điều 463 Bộ luật Dân sự 2005 xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”.

[2] Thẩm quyền xét xử: Theo xác nhận ngày 13/3/2020 của Công an xã H đã xác nhận bà Huỳnh Thị Lệ Q và ông Hồ Văn Đ hiện đang cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh B. Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 33, điểm a, khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

[3] Về tố tụng: Bị đơn ông Hồ Văn Đ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ là đúng quy định tại Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Lê Thị Ngọc B và Bùi Ngọc T với bị đơn Huỳnh Thị Lệ Q thống nhất hợp đồng vay bắt đầu từ năm 2016 đến tháng 8 năm 2019 hai bên chót nợ. Ngày 26/3/2020 chị Lê Thị Ngọc B và anh Bùi Ngọc T khởi kiện. Căn cứ vào điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Nội dung vụ án: Hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa nguyên đơn Lê Thị Ngọc B và Bùi Ngọc T với bị đơn Huỳnh Thị Lệ Q được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, giữa nguyên đơn Lê Thị Ngọc B và Bùi Ngọc T với bị đơn Huỳnh Thị Lệ Q đã thống nhất số tiền mà hiện nay bà Q còn nợ bà B và ông T tiền vay là 450.000.000 đồng và lãi là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 480.000.000 đồng và bà Q có trả được cho bà B và ông T số tiền 3.450.000 đồng nên còn lại là 476.550.000 đồng. Bị đơn ông Hồ Văn Đ cũng thừa nhận hiện nay bà Q là vợ ông có vay tiền và còn nợ bà B và ông T số tiền vay và lãi tổng cộng là 476.550.000 đồng nhưng đến nay do gia đình gặp khó khăn nên ông và bà Q vẫn chưa trả cho bà B và ông T được, việc bà Q vay tiền của bà B và ông T là để trả lãi cho khoản vay trước để trang trải kinh tế gia đình chung nên ông có trách nhiệm liên đới cùng bà Q trả nợ. Vì vậy, nguyên đơn không cần phải chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình được quy định tại khoản 2, 3 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ những căn cứ trên, việc bà B và ông T yêu cầu bà Q và ông Đ liên đới trả số tiền vay và lãi tổng cộng là 476.550.000 đồng này là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về yêu cầu trả nợ dần của bị đơn bà Huỳnh Thị Lệ Q và ông Hồ Văn Đ: Bà Q và ông Đ cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, nên xin được trả dần số tiền còn nợ cho bà B với ông T với cách thức mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, yêu cầu xin trả dần này của bà Q và ông Đ không được bà B với ông T đồng ý, khi thực hợp đồng vay các bên không có thỏa thuận cách thức trả nợ dần này. Do bà Q và ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà B với ông T trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà B với ông T, nên yêu cầu xin được trả dần số nợ với cách thức trả mỗi tháng 2.000.000 đồng của bà Q và ông Đ không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí dân sự giá ngạch: Do khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà Huỳnh Thị Lệ Q và ông Hồ Văn Đ phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[8] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều các Điều 463, 465, 466, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc B và ông Bùi Ngọc T.

Buộc bà Huỳnh Thị Lệ Q và ông Hồ Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Ngọc B và ông Bùi Ngọc T số tiền 476.550.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm năm chục nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự giá ngạch: Bà Huỳnh Thị Lệ Q và ông Hồ Văn Đ phải liên đới nộp là 23.062.000 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng)

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 11.600.000 đồng (Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng) cho bà Lê Thị Ngọc B và ông Bùi Ngọc T theo biên lai thu số 0009537 ngày 17/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Thanh Phú (2b);
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú(1b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thúy

